

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TIỀN QUÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TIỀN QUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN QUAN INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIEN QUAN INVEST., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109162802

3. Ngày thành lập: 23/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hạ, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
2.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
5.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
6.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7.	Xây dựng công trình thủy	4291
8.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
9.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
11.	Phá dỡ	4311
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
15.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
19.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
20.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511

22.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
23.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
26.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
29.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
30.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
31.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
32.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33.	Bốc xếp hàng hóa	5224
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5229
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Quảng cáo	7310
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
44.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000

45.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
46.	Hoạt động hậu kỳ	5912
47.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ Hoạt động phát hành phim điện ảnh, chương trình truyền hình, hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5913
48.	Hoạt động chiếu phim	5914
49.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
50.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
51.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
52.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
55.	Giáo dục nhà trẻ	8511
56.	Giáo dục mẫu giáo	8512
57.	Giáo dục tiểu học	8521
58.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
59.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
60.	Đào tạo sơ cấp	8531
61.	Đào tạo trung cấp	8532
62.	Đào tạo cao đẳng	8533
63.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
64.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

65.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
66.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
67.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
68.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	9329
69.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
70.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
72.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giúp việc gia đình	9639
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
75.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

81.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
84.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
85.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
86.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
87.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
89.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
90.	Sản xuất sợi	1311
91.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
92.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
93.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
94.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
95.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
96.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
97.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
98.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
99.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
100.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
101.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
102.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
103.	Sản xuất giày, dép	1520
104.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
105.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
106.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
107.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
108.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
109.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
110.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
111.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
112.	Sản xuất đường	1072

113.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
114.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
115.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
116.	Sản xuất chè	1076
117.	Sản xuất cà phê	1077
118.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
119.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
120.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
121.	Sản xuất rượu vang	1102
122.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
123.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
124.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
125.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
126.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
127.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
128.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
129.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
130.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
131.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
132.	In ấn	1811
133.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
134.	Sao chép bản ghi các loại	1820
135.	Sản xuất than cốc	1910
136.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
137.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
138.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
139.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
140.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
141.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
142.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
143.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
144.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
145.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
146.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
147.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

148.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
149.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
150.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
151.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
152.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
153.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
154.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
155.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
156.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng)	2420
157.	Đúc sắt, thép	2431
158.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng)	2432
159.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
160.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
161.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
162.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
163.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
164.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
165.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
166.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
167.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
168.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
169.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
170.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
171.	Sản xuất đồng hồ	2652
172.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
173.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
174.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
175.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
176.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
177.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
178.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
179.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
180.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

181.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
182.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
183.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
184.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
185.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
186.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
187.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
188.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
189.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
190.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
191.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
192.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
193.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
194.	Sản xuất máy luyện kim	2823
195.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
196.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
197.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
198.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
199.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
200.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
201.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
202.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
203.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
204.	Xây dựng nhà để ở	4101
205.	Xây dựng nhà không để ở	4102
206.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
207.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
208.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
209.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211

210.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
211.	Sản xuất nhạc cụ	3220
212.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
213.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
214.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
215.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
216.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
217.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
218.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
219.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
220.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
221.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
222.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
223.	Đào tạo đại học	8541
224.	Đào tạo thạc sỹ	8542
225.	Đào tạo tiến sỹ	8543
226.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ MẠNH TUẤN	Thôn Đồng Mầu, Xã Chí Đám, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	1,000	132065919	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.000	90.000.000	1,000		
2	NGUYỄN THỊ DUNG	P1022 HH02-1C KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	81.000	810.000.000	9,000	0025192000472	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	81.000	810.000.000	9,000		

3	ĐỒ HẸI QUÂN	P1022 HH02-1C KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	810.000	8.100.000.000	90,000	0250920001 66
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	810.000	8.100.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ HẢI QUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 08/08/1992

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025092000166

Ngày cấp: 16/10/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P1022 HH02-1C KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1022 HH02-1C KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội